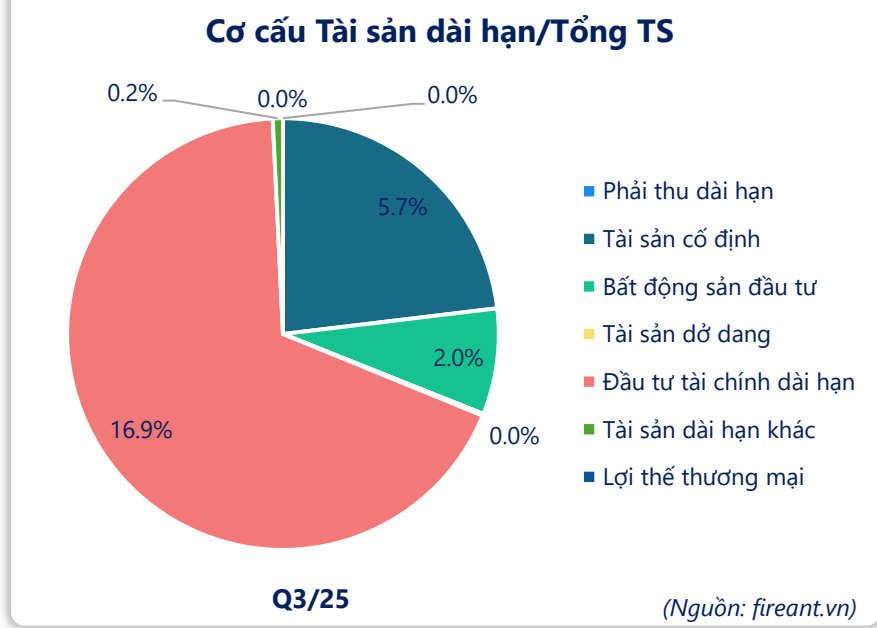
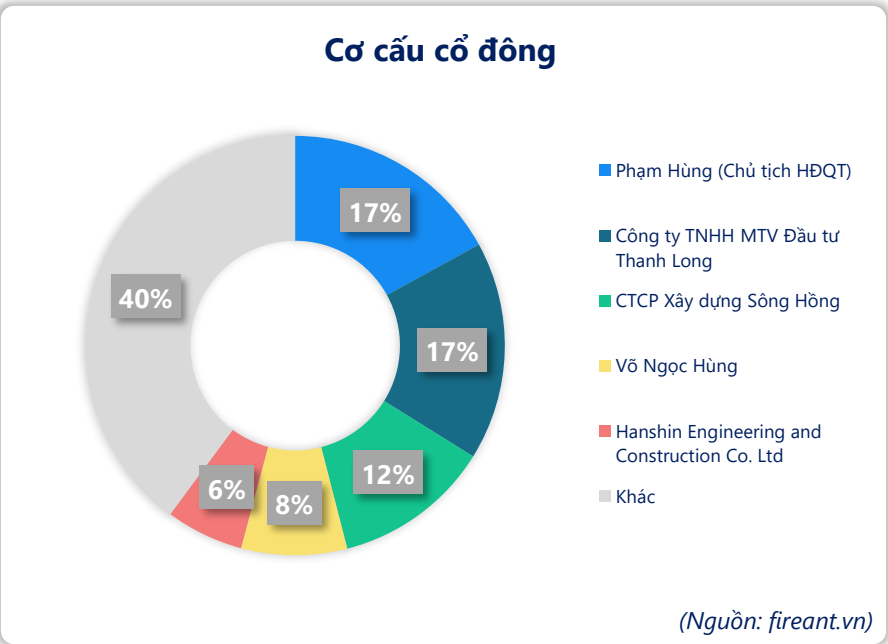
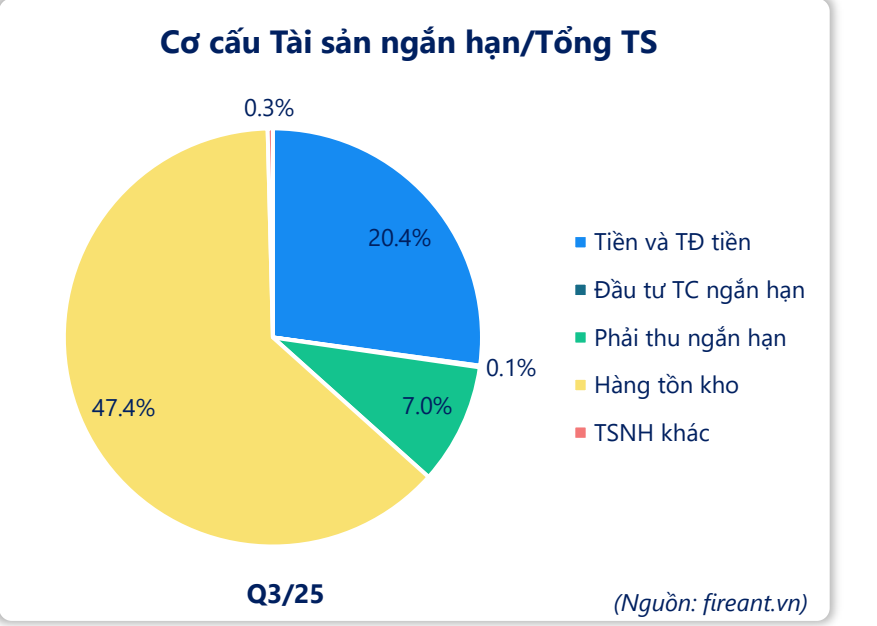
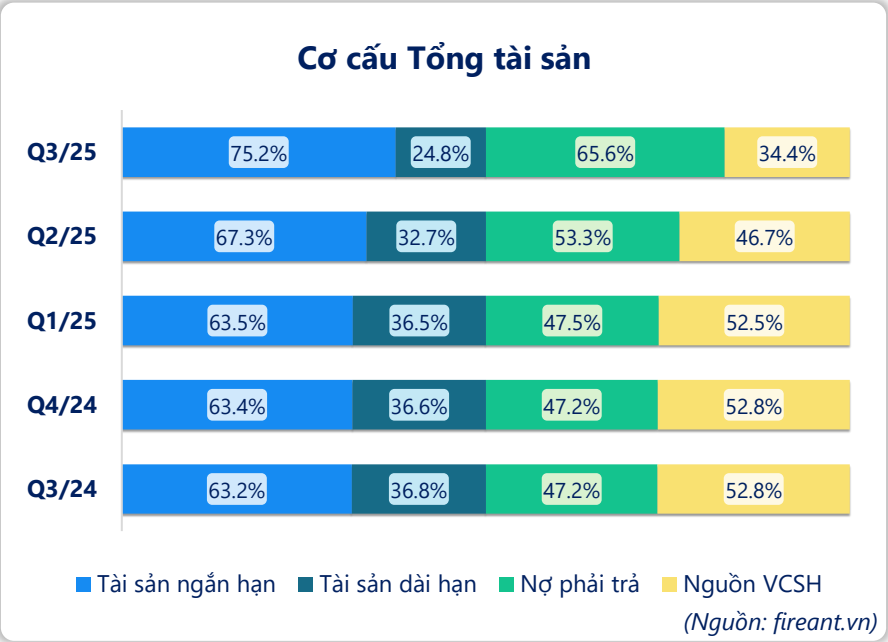
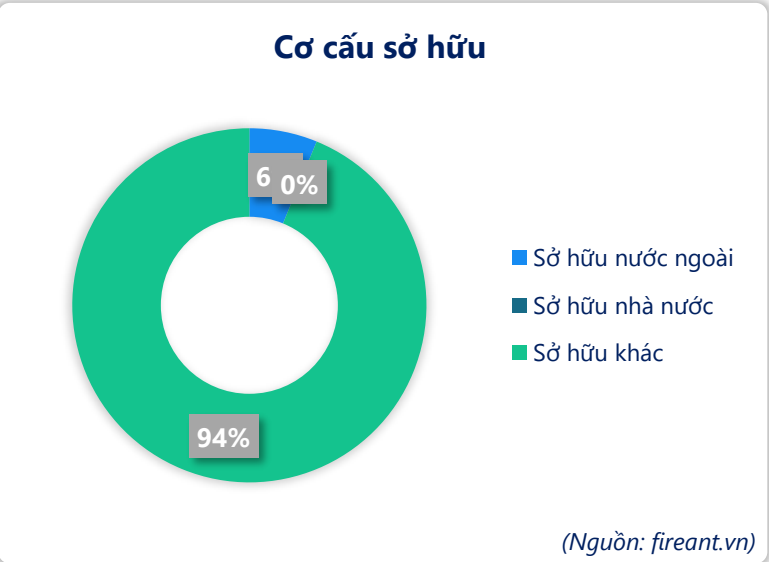
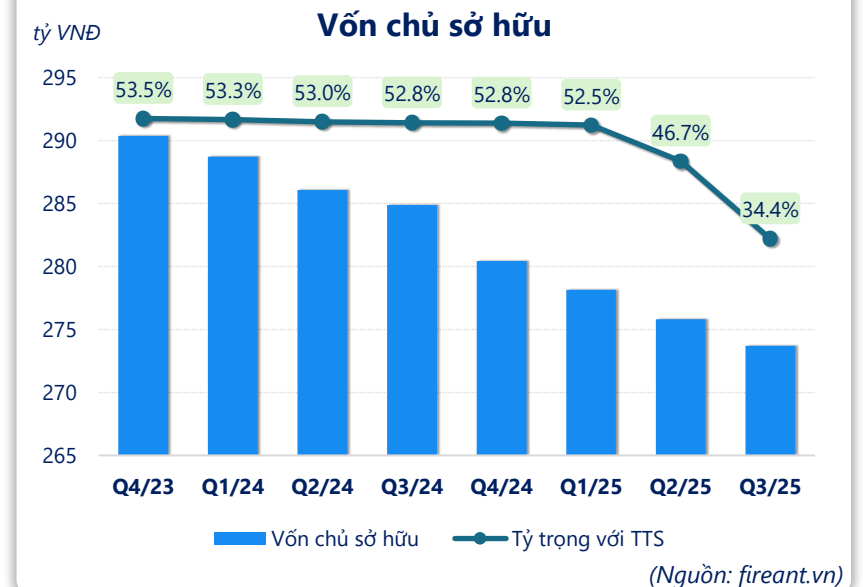
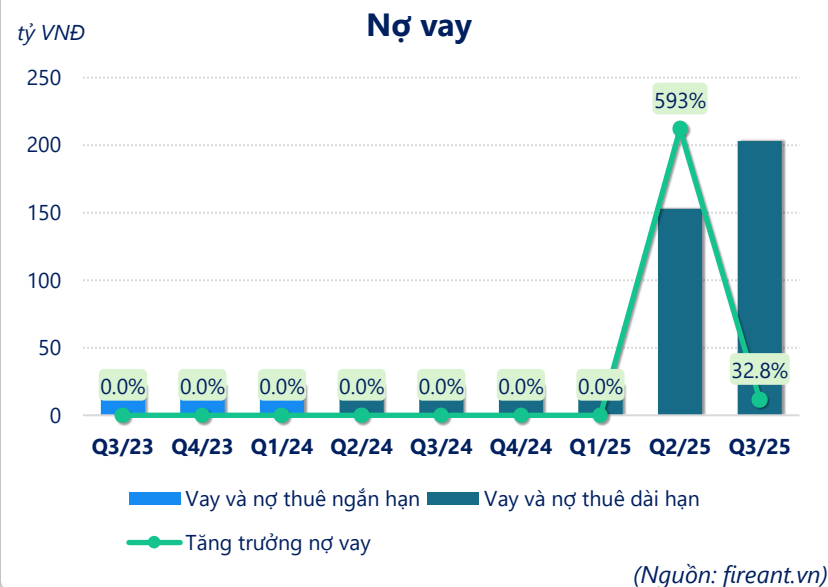
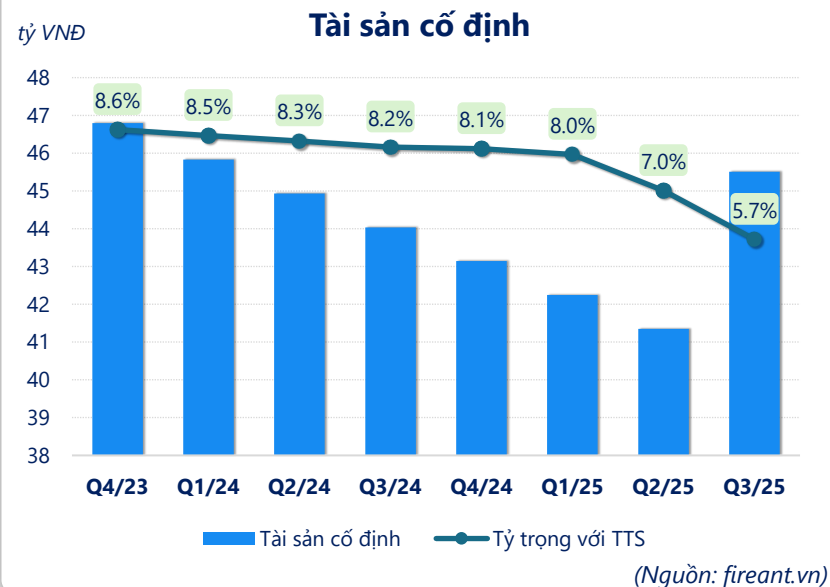
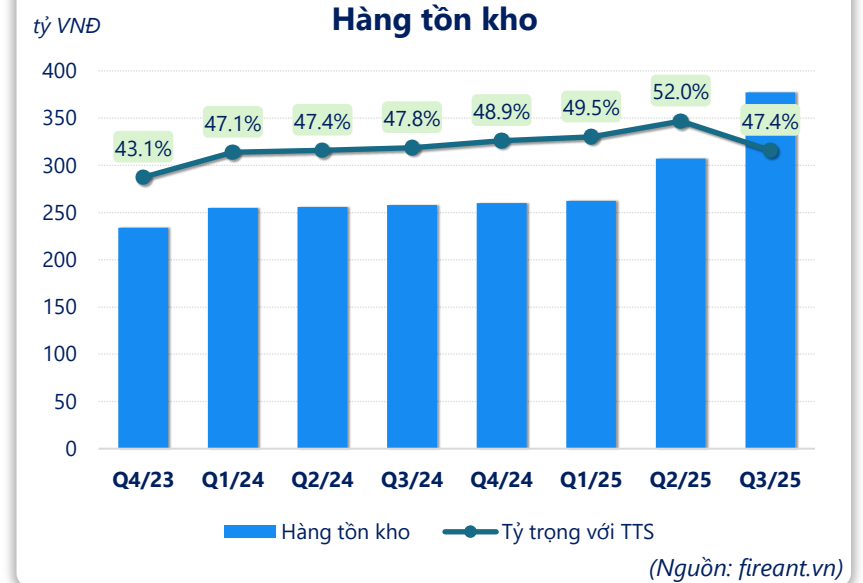
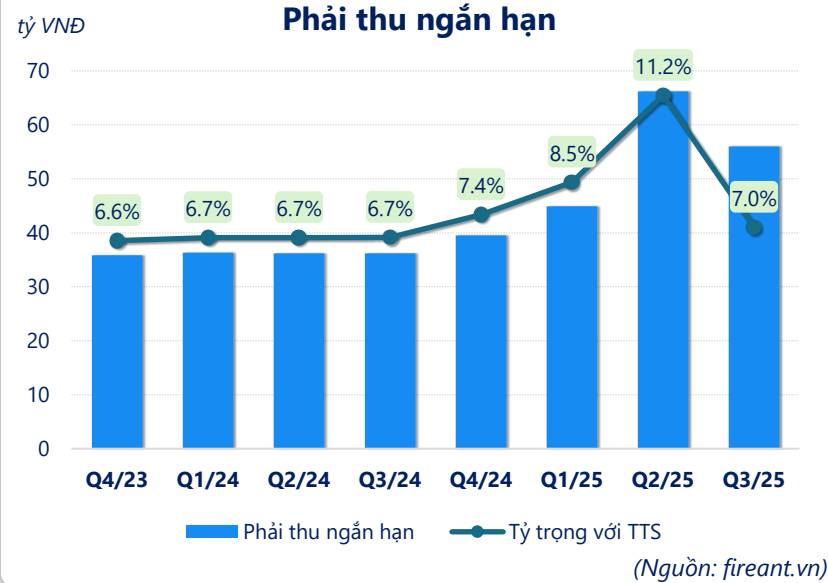
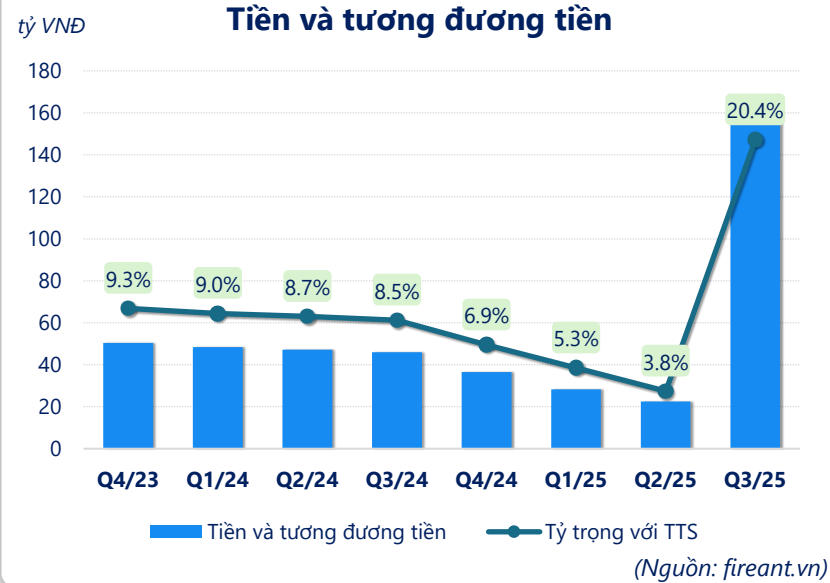
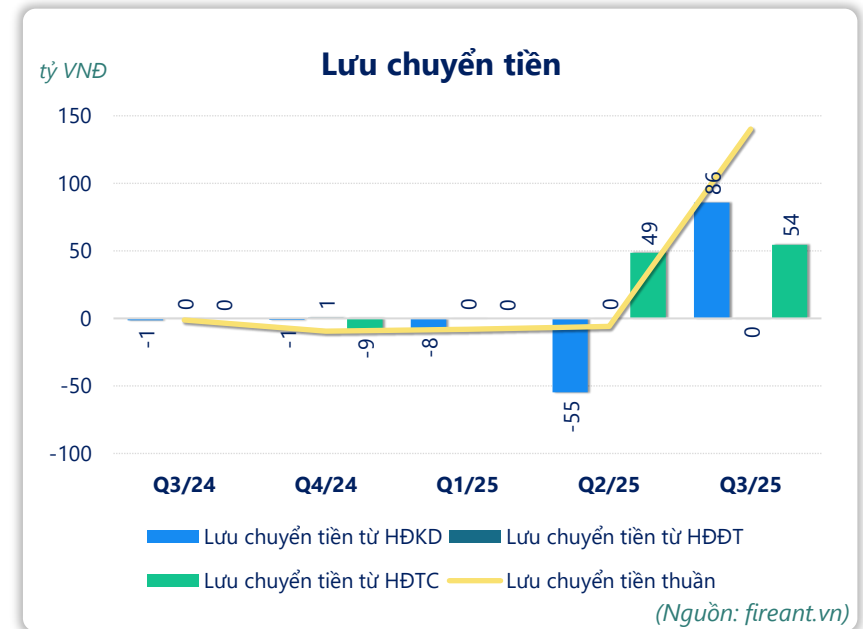
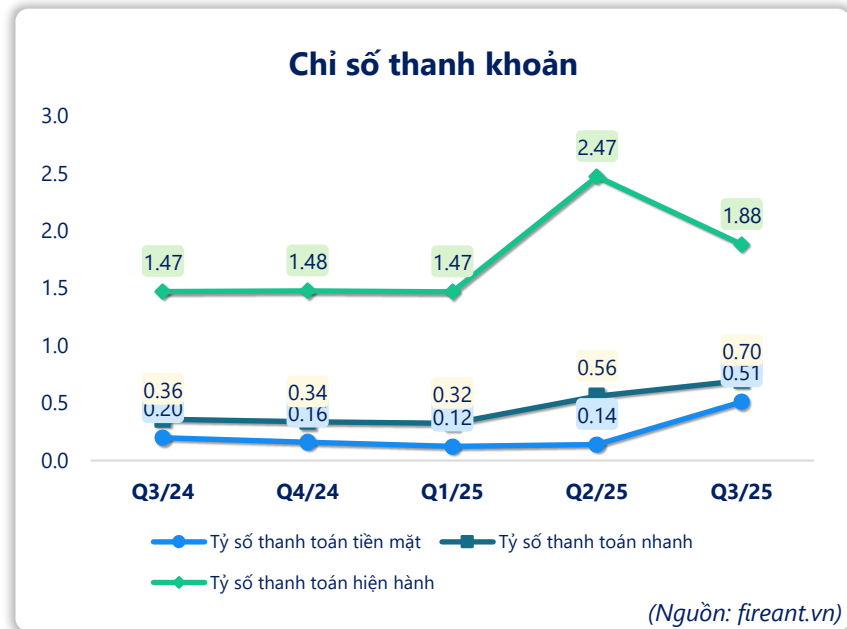
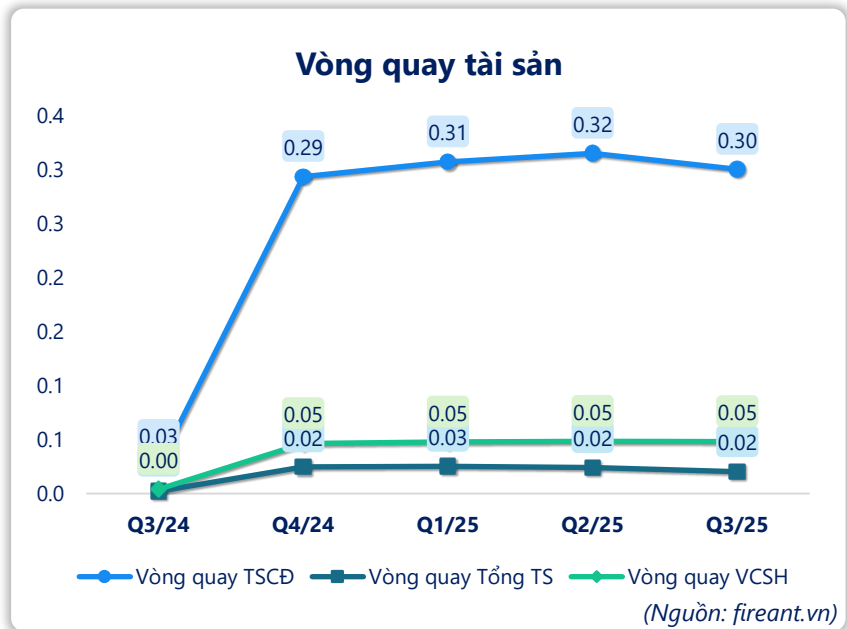
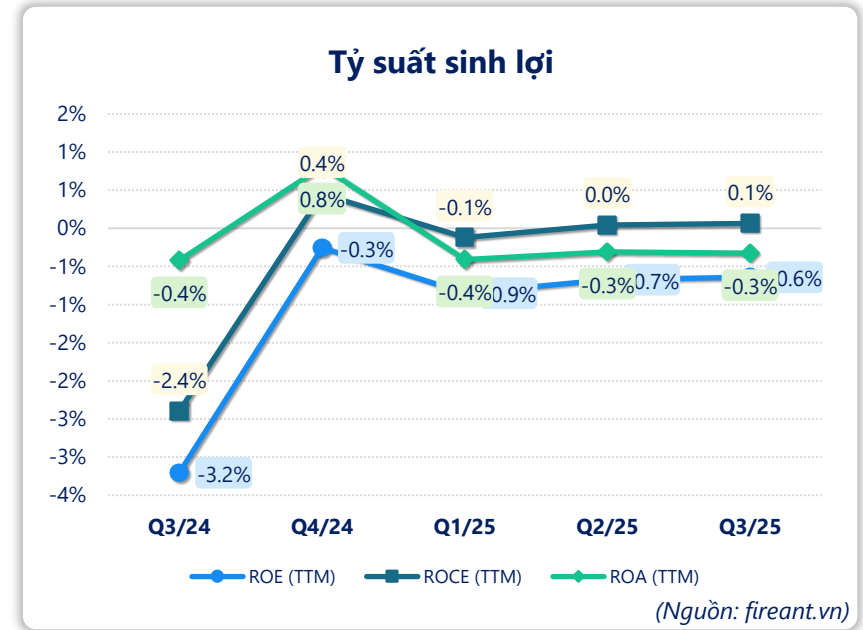
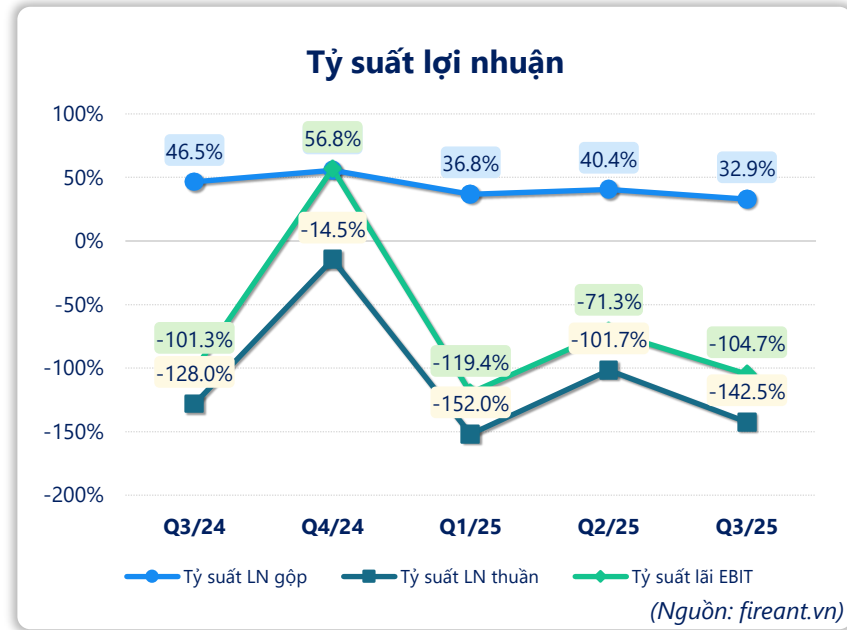
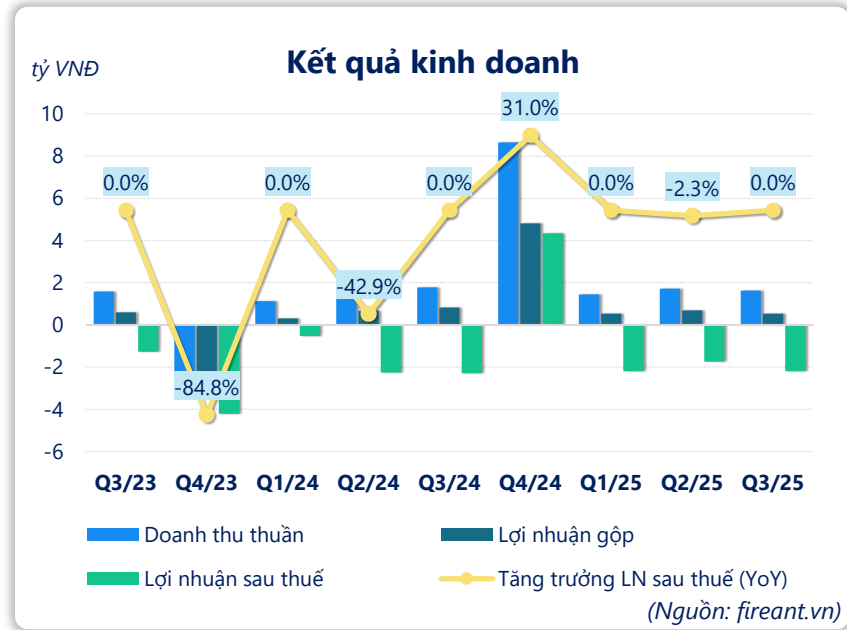


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		15,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,200
SL cổ phiếu LH		17,572,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		16,330
% sở hữu nước ngoài		6.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		278
P/E		-154.6
EPS		-102

	YTD	1T	3T	6T
ICG	100.0%	15.3%	64.6%	95.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	796	531	49.8%
Tài sản ngắn hạn	599	337	77.9%
Tiền và tương đương tiền	163	36.5	346%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.78	0.78	0.0%
Phải thu ngắn hạn	56.0	39.5	41.7%
Hàng tồn kho	377	260	45.0%
Tài sản ngắn hạn khác	2.42	0.01	37136%
Tài sản dài hạn	197	195	1.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	45.5	43.1	5.5%
Bất động sản đầu tư	15.6	16.1	-2.7%
Tài sản dở dang	0.28	0.28	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	134	134	0.0%
Tài sản dài hạn khác	1.50	1.00	49.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	522	251	108%
Nợ ngắn hạn	319	228	39.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	11.8	0.44	2594%
Nợ dài hạn	204	22.8	795%
Vay và nợ thuê dài hạn	203	22.1	821%
Nguồn vốn chủ sở hữu	274	280	-2.4%
Vốn chủ sở hữu	274	280	-2.4%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1.79	8.65	1.45	1.71	1.63
Giá vốn hàng bán	0.95	3.84	0.91	1.02	1.10
Lợi nhuận gộp	0.83	4.81	0.53	0.69	0.54
Doanh thu HĐTC	-0.86	0.60	0.10	0.30	0.01
Chi phí TC	0.48	0.48	0.47	0.47	0.48
Chi phí lãi vay	0.48	0.48	0.47	0.47	0.48
LN trong công ty LKLD	0.00	0	0	0.00	0.00
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.78	6.19	2.36	2.27	2.40
LN thuần từ HĐKD	-2.29	-1.26	-2.20	-1.74	-2.33
Lợi nhuận khác	0	5.70	0	0.05	0.14
LN trước thuế	-2.29	4.44	-2.20	-1.69	-2.19
Lợi nhuận sau thuế	-2.29	4.34	-2.20	-1.74	-2.19
LNST của CĐ cty mẹ	-2.29	4.34	-2.20	-1.74	-2.19

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.47	-1.23	-8.24	-54.8	85.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.18	0.56	0.10	0.35	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-8.79	0	48.6	54.5
Tiền đầu kỳ	47.2	45.9	36.5	28.3	22.5
Lưu chuyển tiền thuần	-1.30	-9.46	-8.14	-5.84	140
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	45.9	36.5	28.3	22.5	163

(Nguồn: fireant.vn)